TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Sang.
2. Bà Trần Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Băng N, sinh năm 2002 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Thôn H, xã TP, huyện T1, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Minh T, sinh năm 2001 (Vắng mặt lần 02).
Địa chỉ: Thôn L, xã TP, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Băng N trình bày: chị và anh Phạm Minh T do mai mối quen biết, rồi tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận T hành tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP vào ngày 16/4/2021. Sau khi cưới vợ chồng sống một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ, về nhà chửi bới, xúc phạm vợ. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì, chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh Phạm Minh T có 01 con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh L (nữ) sinh ngày 22/12/2020 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nhận nuôi con chung đến trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Minh T vắng mặt không có lý do: anh Phạm Minh T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 03/01/2024, Công an xã TP cung cấp: anh Phạm Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã TP, huyện T1, tỉnh Bình Định; anh T hiện có mặt tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đa phần đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy Nên còn có một vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ - được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Băng N được ly hôn anh Phạm Minh T. Về con chung: giao con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh L (nữ) sinh ngày 22/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Băng N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: không xét (do chị N không yêu cầu); về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Băng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Phạm Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn T hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Băng N với anh Phạm Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP vào ngày 16/4/2021 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà không giải quyết được dẫn đến thường xuyên bất hòa, anh T không lo làm

ăn, còn ghen tuông vô cớ. Chị N và anh T đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh T mặc dù đã được triệu tập Nều lần nhưng vẫn không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh L (nữ) sinh ngày 22/12/2020 hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị N là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Nguyễn Thị Băng N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Băng N:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Băng N được ly hôn anh Phạm Minh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Quỳnh L (nữ) sinh ngày 22/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Băng N chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Tòa không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Băng N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0003470 ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam